SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT THƯỜNG TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ QUÝ
KỲ ĐÁNH GIÁ: QUÝ 3 / 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 731/QĐ-THPTTT ngày 29 tháng 10 năm 2026 của Trường THPT Thường Tân)

STT	HỌ VÀ TÊN	TỔNG SỐ NGÀY THỰC TẾ LÀM VIỆC (Cá nhân báo cáo)				TỔNG SỐ NGÀY THỰC TẾ LÀM VIỆC (Tổ trưởng xác nhận)	CÁ NHÂN TỰ ĐÁNH GIÁ		HIỆU TRƯỞNG ĐÁNH GIÁ		QUY ĐỔI	GHI CHÚ
		Tháng 7/2026	Tháng 8/2026	Tháng 9/2026	Tổng số ngày		Tổng điểm	Xếp loại	Tổng điểm	Xếp loại		
1	Nguyễn Phúc Lộc	23	21	24	**68.0**	**68.0**	94.40	HTTNV	94.40	HTTNV	Mức 1	GĐ Sở đánh giá
2	Lê Thị Thanh Tâm	23	21	24	**68.0**	**68.0**	94.80	HTTNV	94.80	HTTNV	Mức 1	
3	Võ Minh Thông	22	20	24	**66.0**	**66.0**	94.20	HTTNV	94.20	HTTNV	Mức 1	
4	Nguyễn Thanh Nhàn	21	19	24	**64.0**	**64.0**	94.34	HTTNV	94.34	HTTNV	Mức 1	
5	Lê Đức Hiệp	20	14.5	24	**58.5**	**58.5**	93.93	HTTNV	93.93	HTTNV	Mức 1	
6	Nguyễn Thị Thúy Trinh	12	12	24	**48.0**	**48.0**	95.41	HTTNV	95.41	HTTNV	Mức 1	
7	Nguyễn Minh Thành	17	12	24	**53.0**	**53.0**	90.77	HTTNV	90.77	HTTNV	Mức 1	
8	Hà Thị Yến	13	9.5	24	**46.5**	**46.5**	91.36	HTTNV	91.36	HTTNV	Mức 1	
9	Phạm Ngọc Hương Trà	19	18	24	**61.0**	**61.0**	94.51	HTTNV	94.51	HTTNV	Mức 1	
10	Bùi Văn Nguyên	18	18	24	**60.0**	**60.0**	90.73	HTTNV	90.73	HTTNV	Mức 1	
11	Nguyễn Thị Chung	16	9.5	24	**49.5**	**49.5**	91.47	HTTNV	91.47	HTTNV	Mức 1	
12	Thiết Vũ	14	15.5	24	**53.5**	**53.5**	90.77	HTTNV	90.77	HTTNV	Mức 1	
13	Trần Thị Thảo	23.0	21.0	24.0	**68.0**	**68.0**	94.81	HTTNV	94.81	HTTNV	Mức 1	

14	Trần Ngọc Tuyền	22.5	21.0	24.0	**67.5**	**67.5**	95.71	HTTNV	95.71	HTTNV	Mức 1	
15	Hoàng Thị Thúy	23.0	21.0	24.0	**68.0**	**68.0**	95.17	HTTNV	95.17	HTTNV	Mức 1	
16	Võ Ngọc Thúy	23.0	21.0	24.0	**68.0**	**68.0**	93.63	HTTNV	93.63	HTTNV	Mức 1	
17	Phạm Thị Bảo Trân	23.0	21.0	24.0	**68.0**	**68.0**	92.90	HTTNV	92.90	HTTNV	Mức 1	
18	Nguyễn Khánh Duy	0.0	0.0	24.0	**24.0**	**24.0**	90.00	HTTNV	90.00	HTTNV	Mức 1	
19	Trần Đức Cường	0.0	0.0	24.0	**24.0**	**24.0**	90.00	HTTNV	90.00	HTTNV	Mức 1	
20	Nguyễn Thị Thọ	23.0	21.0	24.0	**68.0**	**68.0**	90.00	HTTNV	90.00	HTTNV	Mức 1	
21	Đoàn Hữu Phúc	23.0	21.0	24.0	**68.0**	**68.0**	90.00	HTTNV	90.00	HTTNV	Mức 1	
22	Huỳnh Minh Đạo	23.0	21.0	24.0	**68.0**	**68.0**	90.00	HTTNV	90.00	HTTNV	Mức 1	
23	Ông Minh Phát	23.0	21.0	24.0	**68.0**	**68.0**	90.00	HTTNV	90.00	HTTNV	Mức 1	
24	Nguyễn Thị Kim Quyên	5.5	14.5	24	**44.0**	**44.0**	91.04	HTTNV	91.04	HTTNV	Mức 1	
25	Nguyễn Thị Phương Thảo	19	10.5	24	**53.5**	**53.5**	90.07	HTTNV	90.07	HTTNV	Mức 1	
26	Nguyễn Thị Tuyết	10.5	11	24	**45.5**	**45.5**	91.85	HTTNV	91.85	HTTNV	Mức 1	
27	Đoàn Ngọc Hạnh	11.5	10	24	**45.5**	**45.5**	91.22	HTTNV	91.22	HTTNV	Mức 1	
28	Lê Thị Mỹ Thịnh	15	13.5	23	**51.5**	**51.5**	90.96	HTTNV	90.96	HTTNV	Mức 1	
29	Trần Tấn Lộc	13	14	24	**51.0**	**51.0**	90.09	HTTNV	90.09	HTTNV	Mức 1	
30	Nguyễn Thị Diễm Phương	10	11.5	24	**45.5**	**45.5**	90.25	HTTNV	90.25	HTTNV	Mức 1	
31	Phạm Thị Thu Trang	13.0	14.5	24.0	**51.5**	**51.5**	93.00	HTTNV	93.00	HTTNV	Mức 1	
32	Nguyễn Thị Bình	23.0	19.5	24.0	**66.5**	**66.5**	92.05	HTTNV	92.05	HTTNV	Mức 1	
33	Lê Thị Trang	18.0	16.5	24.0	**58.5**	**58.5**	95.87	HTXSNV	95.87	HTXSNV	Mức 1	
34	Nguyễn Tố Liêl	11.0	14.0	24.0	**49.0**	**49.0**	92.22	HTTNV	92.22	HTTNV	Mức 1	
35	Nguyễn Hòa Hiệp	19.5	13.5	21.0	**54.0**	**54.0**	92.18	HTTNV	92.18	HTTNV	Mức 1	
36	Trịnh Minh Thư	16.5	16.0	24.0	**56.5**	**56.5**	94.21	HTTNV	94.21	HTTNV	Mức 1	

37	Phạm Thị Hồng Vân	16.5	16.0	24.0	**56.5**	**56.5**	93.76	HTTNV	93.76	HTTNV	Mức 1	
38	Đặng Thị Ngọc Tiên	16.0	15.0	24.0	**55.0**	**55.0**	94.21	HTTNV	94.21	HTTNV	Mức 1	
39	Phan Văn Tuấn	10.0	11.5	24.0	**45.5**	**45.5**	94.40	HTTNV	94.40	HTTNV	Mức 1	
40	Nguyễn Hải Hoàng	11.0	15.0	24.0	**50.0**	**50.0**	93.22	HTTNV	93.22	HTTNV	Mức 1	
41	Nguyễn Trường An	12.0	8.0	24.0	**44.0**	**44.0**	90.47	HTTNV	90.47	HTTNV	Mức 1	
42	Thái Minh Tâm	10.5	6.5	24.0	**41.0**	**41.0**	93.95	HTTNV	93.95	HTTNV	Mức 1	
43	Đoàn Thị Thuộc	13.5	12.0	24.0	**49.5**	**49.5**	94.87	HTTNV	94.87	HTTNV	Mức 1	
44	Trần Lê Sang	2.0	11.0	24.0	**37.0**	**37.0**	93.40	HTTNV	93.40	HTTNV	Mức 1	
45	Nguyễn Thanh Tùng	13.0	10.5	24.0	**47.5**	**47.5**	92.46	HTTNV	92.46	HTTNV	Mức 1	
46	Nguyễn Thị Thanh Nguyên	13.0	11.5	24.0	**48.5**	**48.5**	93.78	HTTNV	93.78	HTTNV	Mức 1	
47	Nguyễn Phạm Thiên Thanh	18.0	14.0	24.0	**56.0**	**56.0**	93.22	HTTNV	93.22	HTTNV	Mức 1	
48	Hoàng Minh Hiếu	13.5	10.0	24.0	**47.5**	**47.5**	92.78	HTTNV	92.78	HTTNV	Mức 1	
49	Lê Thanh Liêm	17.5	19.5	24.0	**61.0**	**61.0**	93.60	HTTNV	93.60	HTTNV	Mức 1	
50	Trầm Ngọc Phượng	16.5	13.5	24.0	**54.0**	**54.0**	92.73	HTTNV	92.73	HTTNV	Mức 1	
51	Nguyễn Văn Quý	0.0	0.0	24.0	24.0	24.0	86.0		86.0		Mức 2	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2026

VIÊN CHỨC PHỤ TRÁCH TỔNG HỢP

Võ Ngọc Thúy

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THƯỜNG TÂN

Nguyễn Phúc Lộc